

Bản án số: 40/2024/LĐ-PT

Ngày: 04/4/2024

V/v Tranh chấp Đơn phương chấm
dứt hợp đồng lao động; Bảo hiểm xã
hội; Trợ cấp và Tiền lương.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Giang

Các Thẩm phán: Bà Doãn Thị Kim Thúy

Bà Nguyễn Thị Thoa

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiêm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số 18/2024/TLPT-LĐ, ngày 23 tháng 01 năm 2024 về việc: “Tranh chấp Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động; Bảo hiểm xã hội; Trợ cấp và Tiền lương”.

Do bản án sơ thẩm số 26/2023/LĐ-ST, ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo toàn bộ.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1367/2024/QĐ-PT, ngày 15 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Dương Văn X. Sinh năm 1962.

Địa chỉ: 1734/2 đường Q, phường T, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Dương Văn X:

Ông Nguyễn Thanh H. Sinh năm 1980.

Địa chỉ: 127 B2/5 Tổ R, ấp U, đường S, xã I, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 007062, Quyền số 08/2017/HĐGD-CCAL, ngày 10/8/2017 lập tại Văn phòng Công chứng E).
(Vắng mặt tại phiên tòa không lý do).

2. Bị đơn: Trường Trung học cơ sở T.

Trụ sở: 68 đường V, phường T, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Hồng C. Hiệu trưởng.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Khắc O. Sinh năm 1972.
Địa chỉ: 52 đường D, phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền ngày 12/3/2024 lập tại Trường Trung học cơ sở T). (Có mặt).

3. Người kháng cáo: Ông Dương Văn X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Dương Văn X và người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Ông Dương Văn X (gọi tắt ông X) được tuyển dụng vào vị trí làm việc là “Nhân viên bảo vệ trường học” do đơn vị sự nghiệp công lập Trường Trung học cơ sở T, quận BT (gọi tắt Trường THCS T) xét tuyển theo Hợp đồng làm việc số 104/HĐLV, ngày 03/9/2009 được ký giữa Trường Trung học cơ sở T, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh và ông Dương Văn X.

Ngày 31 tháng 8 năm 2016, ông Nguyễn Thanh L nguyên Hiệu trưởng Trường THCS T đã ban hành Quyết định số 164/2016/QĐ-THCSTT, ngày 31/8/2016 về việc chấm dứt hợp đồng làm việc với ông X. Cùng thời điểm khi ông X nhận quyết định sa thải, bản thân ông nhận thấy ngoài hành vi sa thải trái pháp luật, ông còn bị xâm phạm quyền và lợi ích liên quan như: Không đóng bảo hiểm xã hội cho ông kể từ năm 2009 đến tháng 9 năm 2014; Chưa trả tiền phép năm; Chi trả tiền lương còn thiếu; Tiền lễ, Tết, tiền thưởng, tiền tăng thu nhập cuối quý/năm; Tiền thu nhập tăng thêm 0.6 (theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND, ngày 16/3/2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) và các khoản ngoài lương theo Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Do đó, ông X đã nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị giải quyết cho ông các yêu cầu sau:

1. Công nhận Hợp đồng làm việc số 104/HĐLV, ngày 03/9/2009 giữa Trường THCS T, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh và ông Dương Văn X là hợp đồng không xác định thời hạn.

2. Tuyên bố vô hiệu các hợp đồng sau: Hợp đồng làm việc số 81/HĐLV-THCSTT, ngày 10/8/2011; Hợp đồng làm việc số 158/HĐLV-THCSTT, ngày 30/8/2012; Hợp đồng làm việc số 140-3/HĐLV-THCSTT, ngày 01/9/2014; Hợp đồng làm việc số 141-11/HĐLV, ngày 31/8/2015.

3. Buộc Trường THCS T phải đóng bảo hiểm xã hội cho ông Dương Văn X từ tháng 9/2009 đến tháng 31/8/2014.

4. Hủy Quyết định số 164/2016/QĐ-THCSTT, ngày 31/ 8/2016 và khôi phục lại vị trí việc làm cho ông X (tại đơn vị cũ). Buộc Trường THCS T phải bồi thường 02 (hai) tháng tiền lương theo Hợp đồng số 141-11/HĐLV-THCSTT, ngày 31/8/2015 là 3.500.000 đồng/tháng x 02 tháng = 7.000.000 đồng vì cho ông nghỉ việc trái pháp luật; Bồi thường khoản tiền do vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2012.

5. Buộc Trường THCS T phải chi trả tiền phép năm từ năm 2009 đến năm 2019, cụ thể là 1.200.000 đồng (Mức lương theo Hợp đồng 104/HĐLV, ngày

03/9/2009)/22 ngày x 120 ngày phép (mỗi năm 10 ngày phép) = 6.545.454 đồng; Chi trả tiền lương còn thiếu, tiền lễ, tiền Tết, tiền thưởng, tiền tăng thu nhập cuối quý/năm; tiền thu nhập tăng thêm 0.6 (theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND, ngày 16/3/2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố) và các khoản ngoài lương theo Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị kể từ tháng 9/2009 đến nay là 10.000.000 đồng/năm x 09 năm là 90.000.000 đồng.

Theo bị đơn Trường Trung học cơ sở T, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh có người đại diện theo ủy quyền là ông Bùi Khắc O trình bày:

Trường THCS T, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh là cơ sở giáo dục công lập, đơn vị hành chính sự nghiệp.

Căn cứ vào Nghị định 68/2000/NĐ-CP, ngày 17/11/2000 của Chính phủ quy định về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp; Công văn số 5344/UBND-VX, ngày 22/8/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định về định biên các chức danh trong tổ chức bộ máy các trường học tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2007 và năm 2008, Trường THCS T, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyển đủ chỉ tiêu trong biên chế 03 (ba) lao động phổ thông làm bảo vệ tại trường gồm: Ông Nguyễn Bình Đ, sinh năm 1968; Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1974; Ông Trương Hoài P, sinh năm 1970; Tiền lương chi trả được trích từ nguồn ngân sách của nhà nước.

Do có nhu cầu, nên năm 2009 Trường THCS T đã ký với ông Dương Văn X hợp đồng lao động ngoài chỉ tiêu biên chế, lương chi trả được trích từ nguồn kinh phí hoạt động của nhà trường, công việc là bảo vệ, cụ thể:

Hợp đồng làm việc số 104/HĐLV, ngày 03/9/2009 có nội dung: “...Thời gian thực hiện hợp đồng là 01 (một) năm (từ ngày 01/9/2009 đến ngày 01/9/2010); Tiền lương 1.200.000đ/tháng, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cá nhân tự nguyện; ... (ông Dương Văn X) có quyền đề xuất, khiếu nại, thay đổi, đề nghị chấm dứt hợp đồng theo quy định của pháp luật...”;

Hợp đồng làm việc số 81/HĐLV-THCSTT, ngày 10/8/2011 có nội dung: “...Thời gian thực hiện hợp đồng là 01 năm (từ ngày 01/8/2011 đến ngày 01/8/2012); Tiền lương 2.500.000đ/tháng, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cá nhân tự nguyện,... (ông Dương Văn X) có quyền đề xuất, khiếu nại, thay đổi, đề nghị chấm dứt hợp đồng theo quy định của pháp luật...”;

Hợp đồng làm việc số 140-3/HĐLV-THCSTT, ngày 01/9/2014 có nội dung: “...Thời gian thực hiện hợp đồng là 12 tháng (từ ngày 01/9/2014 đến ngày 31/8/2015), tiền lương 2.700.000đ/tháng, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế thực hiện theo quy định hiện hành,... (ông Dương Văn X) có quyền đề xuất, khiếu nại, thay đổi, đề nghị chấm dứt hợp đồng theo quy định của pháp luật...”;

Hợp đồng làm việc số 141-11/HĐLV, ngày 31/8/2015 có nội dung: “...Thời gian thực hiện hợp đồng là 12 tháng (từ ngày 01/9/2015 đến ngày 31/8/2016), tiền lương + phụ cấp là 3.000.000đ/tháng, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế thực hiện theo quy định hiện hành, ... (ông Dương Văn X) có quyền đề xuất, khiếu nại, thay đổi, đề nghị chấm dứt hợp đồng theo quy định của pháp luật...”.

Tháng 9/2014, ông Trương Hoài P là bảo vệ, lao động trong biên chế của Trường THCS T chết. Do đó, Trường THCS T đã tuyển dụng ông Võ Duy H1, sinh năm 1976 làm bảo vệ, là lao động trong biên chế thay thế ông Trương Hoài P. Trường THCS T không tuyển dụng ông Dương Văn X làm bảo vệ (lao động trong biên chế) thay thế ông Trương Hoài P vì ông Dương Văn X, sinh năm 1962. Tại thời điểm năm 2014, ông X đã trên 52 tuổi không đủ điều kiện theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 5 của Nghị định 116/2003/NĐ-CP, ngày 10/10/2003 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong đơn vị sự nghiệp của Nhà nước.

Do thời hạn của Hợp đồng lao động sau cùng (Hợp đồng làm việc số 141-11/HĐLV, ngày 31/8/2015) được ký giữa Trường THCS T và ông Dương Văn X sẽ hết hạn vào ngày 31/8/2016. Ngày 04/7/2016 Trường THCS T có Thông báo về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Dương Văn X vào ngày 31/8/2016 và ban hành Quyết định số 164/2016/QĐ-THCSTT, ngày 31/8/2016 về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông Dương Văn X. Ông X không đồng ý và cho rằng Trường THCS T đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, ông đã gửi đơn khiếu nại đến Phòng Giáo dục và Đào tạo cùng các cơ quan khác của quận BT.

Ngày 22/9/2016, Trường THCS T đã ra Thông báo thu hồi Quyết định số 164/2016/QĐ-THCSTT, ngày 31/8/2016. Nhưng thực tế ông X vẫn làm việc tại Trường từ đó đến nay. Với mức lương từ tháng 9/2016 là 3.500.000đồng/tháng; năm 2017 là 3.750.000 đồng/tháng; năm 2018 là 3.980.000đồng/tháng; năm 2019 là 4.472.600 đồng/tháng (lương chi trả được trích từ nguồn kinh phí hoạt động của nhà trường).

Nay Trường THCS T có ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn X, như sau:

- Đối với yêu cầu Tuyên vô hiệu Hợp đồng làm việc số 81/HĐLV-THCSTT, ngày 10/8/2011 trở đi do trái pháp luật:

Các hợp đồng làm việc từ Hợp đồng làm việc số 81/HĐLV-THCSTT, ngày 10/8/2011 đến Hợp đồng làm việc số 141-11/HĐLV, ngày 31/8/2015 được ký giữa Trường THCS T và ông X là những Hợp đồng lao động có thời hạn 01 (một) năm. Như vậy, đến nay các hợp đồng nêu trên đương nhiên đã hết hạn và hết hiệu lực thi hành. Hơn nữa, trong thời gian thực hiện các hợp đồng trên hai bên không có tranh chấp hay khiếu nại bất cứ điều gì. Vì vậy, việc nguyên đơn yêu cầu tuyên bố các Hợp đồng làm việc số 81/HĐLV-THCSTT, ngày 10/8/2011 trở đi do trái pháp luật là không cần thiết.

- Đối với yêu cầu Hủy Quyết định số 164/2016/QĐ-THCSTT, ngày 31/8/2016 do Trường THCS T đã thu hồi nhưng chưa khôi phục vị trí việc làm và bồi thường ít nhất 02 tháng tiền lương, vi phạm thời gian báo trước 45 ngày:

Trường THCS T đã ban hành Quyết định số 164/2016/QĐ-THCSTT, ngày 31/8/2016 về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông X. Ngày 22/9/2016 Trường THCS T đã ra Thông báo thu hồi và thực tế ông X vẫn làm việc liên tục tại Trường THCS T từ đó đến nay. Như vậy, đối tượng khởi kiện không còn và do quyết định này không được thực hiện nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ cũng như thiệt

hại đối với các bên, nên yêu cầu của ông X là không phù hợp với pháp luật, nên Trường THCS T không đồng ý.

- Đối với yêu cầu khởi kiện Truy đóng tiền bảo hiểm xã hội; trả tiền phép năm; chi trả tiền lương, tiền lễ, tiền tết, tiền thưởng, tiền tăng thu nhập cuối quý/năm, tiền thu nhập tăng thêm 0,6 (tính từ tháng 4/2018 trở đi) và các khoản ngoài lương được thực hiện theo Quy chế chi tiêu Nội bộ của đơn vị kể từ tháng 9/2009 đến nay:

Căn cứ Hợp đồng làm việc số 104/HĐLV, ngày 03/9/2009; Hợp đồng làm việc số 81/HĐLV-THCSTT, ngày 10/8/2011 giữa ông X và Trường THCS T thì ông X là người tự đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế. Tại các Hợp đồng cũng quy định rõ, ông X có quyền đề xuất, khiếu nại, thay đổi, đề nghị chấm dứt hợp đồng theo quy định của pháp luật, nhưng trong quá trình thực hiện thì ông X không khiếu nại hay tranh chấp bất cứ điều gì đối với Trường THCS T (như tiền lương, yêu cầu đóng bảo hiểm xã hội...).

Căn cứ vào Điều 202 của Bộ luật Lao động năm 2012, tính đến thời điểm ông X có đơn khiếu nại và khởi kiện, đã hết thời hiệu. Yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về việc đóng bảo hiểm xã hội và các vấn đề khác có liên quan đến hợp đồng làm việc số 104/HĐLV, ngày 03/9/2009. Vì vậy, ông X yêu cầu Trường THCS T phải đóng bảo hiểm cho ông từ năm 2009 đến tháng 9/2014 là không phù hợp với thỏa thuận mà hai bên đã ký và quy định của pháp luật.

Từ tháng 9/2014 đến tháng 5/2023 Trường THCS T đã thực hiện đóng bảo hiểm xã hội cho ông X đúng theo thỏa thuận tại Hợp đồng làm việc số 140-3/HĐLV-THCSTT, ngày 01/9/2014 và Hợp đồng làm việc số 141-11/HĐLV-THCSTT, ngày 31/8/2015.

- Hợp đồng lao động ký kết giữa ông X và Trường THCS T là hợp đồng lao động ngoài chỉ tiêu biên chế, thuộc loại hợp đồng lao động có xác định thời hạn (12 tháng). Tiền lương Trường THCS T chi trả cho ông X được trích từ nguồn kinh phí hoạt động của nhà trường. Hàng tháng, hàng năm ông X đã được hưởng và nhận đầy đủ chế độ theo quy định tại Hợp đồng lao động và ông X không khiếu nại bất cứ vấn đề gì. Vì vậy, nay ông X yêu cầu nhà trường chi trả tiền lương, tiền lễ, tiền tết, tiền thưởng, tiền tăng thu nhập cuối quý/năm, tiền thu nhập tăng thêm 0,6; tiền phép năm là không đúng, Trường THCS T không đồng ý. Hơn nữa, yêu cầu khởi kiện nêu trên của ông X không được thực hiện đúng trình tự thủ tục theo luật định (phải hòa giải cơ sở trước khi yêu cầu Tòa án giải quyết) nên Trường THCS T đề nghị Tòa không giải quyết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những ý kiến trình bày như trên, Trường THCS T không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông X, đề nghị Tòa xử không chấp nhận.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thanh H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Dương Văn X trình bày:

Nguyên đơn xin rút các yêu cầu khởi kiện sau: Hủy Quyết định số 164/2016/QĐ-THCSTT, ngày 31/8/2016 và khôi phục lại vị trí việc làm cho ông X

tại đơn vị cũ; Buộc Trường THCS T phải bồi thường 02 tháng tiền lương theo Hợp đồng số 141-11/HĐLV-THCSTT, ngày 31/8/2015 là 7.000.000 (bảy triệu) đồng; Buộc Trường THCS T trả tiền do vi phạm thời hạn báo trước 45 ngày; Yêu cầu trả tiền lễ, tiền Tết khoản thời gian từ năm 2015 đến tháng 5/2023. Các yêu cầu khởi kiện còn lại nguyên đơn giữ nguyên.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét Hợp đồng lao động số 104/HĐLV, ngày 03/9/2009 là hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP, ngày 17/11/2000 của Chính phủ buộc Trường THCS T chi trả các chế độ của ông X với số tiền giống như hai người bảo vệ theo hợp đồng lao động là ông Nguyễn Bình Đ và ông Huỳnh Văn N được hưởng. Vì Trường THCS T ký hợp đồng lao động với ông X theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP, đã được Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận BT và Phòng Nội vụ quận BT xác nhận tại Văn bản số 1552/NV, ngày 07/10/2016.

Ông H xác nhận hợp đồng lao động giữa ông X và Trường THCS T đã ký theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP, ngày 17/11/2000 nằm trong dự toán ngân sách và phải được thông qua Phòng Nội vụ quận và Hợp đồng lao động của ông X được ký đúng trình tự thủ tục theo quy định.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn mong muốn hai bên hòa giải để kết thúc vụ việc. Ông X có thời gian làm việc cũng nhiều tại trường, gia đình thuộc diện chính sách, hiện nay ông chưa đủ thời gian được hưởng bảo hiểm hàng tháng nên đề nghị Trường THCS T xem xét, giải quyết cho ông X được nhận số tiền tổng cộng là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, để ông X tham gia bảo hiểm tự nguyện, đủ thời gian hưởng lương hưu hàng tháng.

Ông Bùi Khắc O là người đại diện theo ủy quyền của Trường THCS T trình bày:

Trường THCS T đồng ý đóng bảo hiểm xã hội 100% cho ông X, bao gồm phần người sử dụng lao động và người lao động phải đóng.

Các chế độ khác mà ông X yêu cầu Trường THCS T đã thực hiện đầy đủ đối với ông X. Tuy nhiên, do qua nhiều lần Kế toán nghỉ việc đã bàn giao tài liệu không đầy đủ, nên Trường THCS T chỉ cung cấp được bảng ký nhận lương và các khoản tiền lễ, tết cũng như các chế độ khác từ năm 2015 đến nay. Do đó, bị đơn không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hai bên đã ký hợp đồng lao động từ 2009 đến năm 2016, năm 2018 ông X bắt đầu khởi kiện là đã hết thời hiệu, vì thời hiệu khởi kiện vụ án lao động chỉ có 01 năm. Bị đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết các yêu cầu của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu Trường THCS T phải giải quyết cho ông X được nhận số tiền tổng cộng là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, phía nhà trường không thể đáp ứng được, vì trường là đơn vị công lập mọi khoản chi đều phải tuân thủ quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thư ký,

Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo thời hạn theo quy định.

Về nội dung:

- Yêu cầu Hủy Quyết định số 164/2016/QĐ-THCSTT, ngày 31/8/2016 và khôi phục lại vị trí việc làm cho ông X (tại đơn vị cũ); Buộc Trường THCS T phải bồi thường 02 tháng tiền lương theo hợp đồng số 141-11/HĐLV-THCSTT, ngày 31/8/2015 là 7.000.000 (bảy triệu) đồng; Buộc Trường THCS T trả số tiền do vi phạm thời hạn báo trước 45 ngày. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 244 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

- Yêu cầu công nhận Hợp đồng làm việc số 104/HĐLV, ngày 03/9/2009 giữa Trường THCS T và ông X là hợp đồng không xác định thời hạn; Hợp đồng làm việc số 104/HĐLV, ngày 03/9/2009 giữa Trường THCS T và ông X có thời hạn đến ngày 01/10/2010. Tuy nhiên, sau khi hợp đồng hết hạn, ông X vẫn tiếp tục làm việc hơn 30 ngày và hai bên không ký hợp đồng lao động mới nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 27 của Bộ luật lao động năm 1994 (sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007) thì hợp đồng làm việc giữa ông X và Trường THCS T là hợp đồng không xác định thời hạn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Do Hợp đồng làm việc số 104/HĐLV, ngày 03/9/2009 trở thành hợp đồng lao động không xác định thời hạn nên việc Trường THCS T ký các hợp đồng lao động tiếp theo là trái với quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc tuyên các hợp đồng nêu trên vô hiệu là có cơ sở chấp nhận theo quy định.

- Yêu cầu của nguyên đơn buộc Trường THCS T phải đóng BHXH cho ông X từ ngày 01/9/2009 đến ngày 31/8/2014: Hợp đồng làm việc số 104/HĐLV, ngày 03/9/2009 giữa ông X và Trường THCS T đã trở thành hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Nhưng từ năm 2009 đến năm 2014 Trường THCS T không thực hiện việc đóng bảo hiểm xã hội cho ông X. Căn cứ vào Điều 14, Điều 18 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006; Điều 128, Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì yêu cầu đóng bảo hiểm xã hội của ông X là không xác định thời hiệu khởi kiện. Căn cứ vào Điều 2, điểm a Khoản 1 Điều 18 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006 yêu cầu này của ông X là có cơ sở nên chấp nhận.

- Yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn chi trả tiền phép năm, từ năm 2009 đến năm 2019. Ông X trình bày là không nghỉ phép năm từ năm 2009 đến năm 2019, căn cứ quy định tại Điều 76 của Bộ luật lao động năm 1994 và hướng dẫn tại Điều 10 của Nghị định số 195-CP, ngày 31/12/1994 của Chính phủ thì trường hợp của ông X không được trả lương cho những ngày chưa nghỉ phép năm. Do đó, yêu cầu này của ông X là không có cơ sở chấp nhận.

- Yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn chi trả tiền lương còn thiếu, tiền lễ, tiền Tết, tiền thưởng, tiền tăng thu nhập cuối quý/năm; tiền thu nhập tăng thêm 0.6 (theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND, ngày 16/3/2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố) và các khoản ngoài lương theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị kể từ tháng 9/2009 đến nay. Tại Biên bản tiếp công dân ngày 21/9/2016 ông X xác nhận “tiền lễ, tết thì ông có nhận, nhưng tiền tăng thu nhập và tiền thưởng

cuối năm ông không có”. Nguyên đơn không bổ sung được các tài liệu, chứng cứ liên quan trong thời gian yêu cầu, nên không có cơ sở xem xét chấp nhận.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 26/2023/LĐ-ST, ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 32, điểm c Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 235, Khoản 2 Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 27, Khoản 3 Điều 76 của Bộ luật lao động năm 1994 (sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007);

Căn cứ vào Điều 50 của Bộ luật Lao động 2012;

Căn cứ vào Điều 51, Khoản 3 Điều 113, Điều 187, Khoản 3 Điều 190 của Bộ luật Lao động 2019;

Căn cứ vào điểm a Khoản 1 Điều 2 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006;

Căn cứ vào Điều 18, Điều 19, Khoản 2 và Khoản 5 Điều 21 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

Căn cứ vào Điều 157 của Bộ Luật dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn X:

1.1 Công nhận Hợp đồng làm việc số 104/HĐLV, ngày 03/9/2009 giữa Trường Trung học cơ sở T và ông Dương Văn X là hợp đồng không xác định thời hạn.

1.2 Tuyên bố các Hợp đồng làm việc số 81/HĐLV-THCSTT, ngày 10/8/2011; Hợp đồng làm việc số 158/HD -THCSTT, ngày 30/8/2012; Hợp đồng làm việc số 140-3/HĐLV-THCSTT, ngày 01/9/2014; Hợp đồng làm việc số 141-11/HĐLV-THCSTT, ngày 31/8/2015 giữa Trường Trung học cơ sở T và ông Dương Văn X là vô hiệu.

1.3 Buộc Trường Trung học cơ sở T phải đóng bảo hiểm xã hội vào quỹ Bảo hiểm xã hội của Bảo hiểm xã hội quận BT cho ông Dương Văn X từ ngày 01/9/2009 đến ngày 31/8/2014.

Mức đóng và số tiền bảo hiểm xã hội mà Trường Trung học cơ sở T phải đóng được áp dụng và tính theo quy định của pháp luật về Bảo hiểm xã hội.

2. Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn X như sau:

2.1 Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn X buộc Trường Trung học cơ sở T phải chi trả tiền phép năm từ năm 2009 đến năm 2019 với số tiền là 6.545.454 (sáu triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn, bốn trăm năm mươi bốn) đồng.

2.2 Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn X đối với các yêu cầu: Buộc Trường Trung học cơ sở T phải chi trả tiền lương còn thiếu, tiền thưởng, tiền tăng thu nhập cuối quý/năm từ năm 2009 đến tháng 5/2023; Tiền lễ, tiền Tết từ năm 2009 đến năm 2014; tiền thu nhập tăng thêm 0.6 theo Nghị

quyết 03/2018/NQ-HĐND, ngày 16/3/2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Đình chỉ các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn X:

3.1 Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn X đối với các yêu cầu: Hủy Quyết định số 164/2016/QĐ-THCSTT, ngày 31 tháng 8 năm 2016 và khôi phục lại vị trí việc làm cho ông X tại đơn vị cũ; Buộc Trường Trung học cơ sở T phải bồi thường 02 tháng tiền lương theo Hợp đồng số 141-11/HĐLV-THCSTT, ngày 31/8/2015 là 7.000.000 (bảy triệu) đồng; Buộc Trường Trung học cơ sở T trả số tiền là 6.057.692 (sáu triệu, không trăm năm mươi bảy nghìn, sáu trăm chín mươi hai) đồng do vi phạm thời hạn báo trước 45 ngày.

3.2 Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn X đối với yêu cầu: Buộc Trường Trung học cơ sở T phải trả tiền lễ, tiền Tết từ năm 2015 đến tháng 5/2023.

4. Về án phí lao động sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Dương Văn X được miễn nộp án phí lao động sơ thẩm.

Bị đơn Trường Trung học cơ sở T phải chịu án lao động sơ thẩm tổng cộng là 900.000 (chín trăm nghìn) đồng; bao gồm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí đối với yêu cầu công nhận Hợp đồng làm việc giữa Trường Trung học cơ sở T và ông Dương Văn X là hợp đồng không xác định thời hạn; 300.000 (ba trăm nghìn) đồng) án phí đối với yêu cầu tuyên bố các Hợp đồng làm việc giữa Trường Trung học cơ sở T và ông Dương Văn X là vô hiệu; và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí đối với yêu cầu buộc Trường Trung học cơ sở T phải đóng bảo hiểm xã hội cho ông Dương Văn X.

Sau khi xét xử sơ thẩm trong phạm vi ủy quyền, ngày 30 tháng 9 năm 2023 ông Nguyễn Thanh H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, yêu cầu được giải quyết lại vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 12 tháng 10 năm 2023, trong thời hạn kháng cáo, nguyên đơn ông Dương Văn X nộp đơn yêu cầu xử hủy bản án sơ thẩm, xét xử lại vụ án theo quy định của pháp luật để bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt không lý do; ông Dương Văn X là nguyên đơn có mặt tham gia phiên tòa, thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm căn cứ quy định của pháp luật về lao động, giải quyết lại vụ án nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn được thực hiện trong thời hạn luật định là hợp lệ, trường hợp kháng cáo của nguyên đơn không phải nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, đủ điều kiện để được xem xét kháng cáo theo trình tự luật định.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thấy rằng Tòa sơ thẩm đã giải quyết đúng quan hệ pháp luật có tranh chấp, bởi lẽ nguyên đơn làm việc tại Trường Trung học cơ sở T không theo chế độ tuyển dụng chính thức, chỉ là nhân viên bảo vệ làm việc theo hợp đồng lao động. Khi giải quyết quyền lợi về lao động cho nguyên đơn, Tòa sơ thẩm công nhận hợp đồng làm việc số 104/HĐLV, ngày 03/9/2009 giữa nguyên và bị đơn là hợp đồng lao động không xác định thời hạn là có cơ sở. Tuy nhiên phần quyết định của bản án chỉ tuyên buộc bị đơn phải đóng bảo hiểm xã hội vào quỹ bảo hiểm xã hội quận BT để nguyên đơn được hưởng quyền lợi về bảo hiểm xã hội từ ngày 01/9/2009 đến ngày 31/8/2014 là chưa đầy đủ, trách nhiệm này thuộc về người lao động và người sử dụng lao động, cần bổ sung phần này trong quyết định sơ thẩm. Xét bản án sơ thẩm đã giải quyết đúng quan hệ pháp luật có tranh chấp, kháng cáo của nguyên đơn không có căn cứ để chấp nhận, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần nội dung.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[I] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn được thực hiện trong thời hạn luật định là hợp lệ, trường hợp kháng cáo của nguyên đơn không phải nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, đủ điều kiện để được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[II] Về nội dung giải quyết vụ án:

[1] Xem xét kháng cáo của ông Dương Văn X, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Ông Dương Văn X không đồng ý bản án sơ thẩm về hai nội dung:

- Trường THCS T phải chi trả tiền phép năm, từ năm 2009 đến năm 2019 mà nhà trường chưa thanh toán, số tiền 6.545.454 đồng.

- Trường THCS T phải trả tiền lương chưa thanh toán, tiền lương hàng năm, tiền tăng thu nhập cuối quý/năm từ 2009 đến 5/2023; Tiền lễ, tiền tết từ 2009 đến 2014; Tiền thu nhập tăng thêm 0.6 theo Nghị quyết số 03/2018/HĐND, ngày 16/3/2019 của Hội đồng nhân dân Tp. Hồ Chí Minh.

Tại Tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Trường THCS T phải giải quyết cho nguyên đơn quyền lợi về lao động số tiền là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng vì hoàn cảnh nguyên đơn trong thời điểm hiện tại tuổi cao, kinh tế khó khăn, thuộc gia đình chính sách.

Xét thấy: Hợp đồng lao động được xác lập giữa Trường THCS T với ông X là loại hợp đồng được giao kết ngoài chỉ tiêu biên chế của đơn vị hành chính sự nghiệp; tiền lương chi trả hàng tháng cho nhân viên bảo vệ (đối với ông X) được trích từ nguồn kinh phí hoạt động của nhà trường, hàng tháng và quý ông X đều được nhận đủ tiền lương theo thỏa thuận về lao động.

Trình bày tại phiên tòa phúc thẩm, ông Bùi Khắc O là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho biết: Ông X là lao động phổ thông, không phải là lao động làm việc theo chế độ tuyển dụng được quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, vì thế ông X không được hưởng đủ quyền lợi như các lao động được hưởng biên chế khác; Việc nguyên đơn kháng cáo yêu cầu được trả tiền phép năm từ 2009 đến 2019, số tiền 6.545.454 đồng và đòi chi trả tiền lương còn thiếu; tiền lương quý/năm cùng tiền tăng thu nhập (tiền thu nhập tăng thêm 0.6 theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND, ngày 16/3/2019 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh), số tiền nguyên đơn có yêu cầu thanh toán tại phiên tòa sơ thẩm 100.000.000 đồng là không có căn cứ, và bản thân ông X không trong danh sách chi trả lương của đơn vị hành chính sự nghiệp công lập.

Xem xét trình bày của các bên đương sự cùng tài liệu, chứng cứ đã được thu thập, thấy rằng Tòa sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật có tranh chấp, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc trả tiền phép năm từ năm 2009 đến năm 2019; trả tiền lương còn thiếu, tiền tăng thu nhập từ năm 2009 đến năm 2023 là có căn cứ đúng quy định, cần giữ nguyên phần này của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

Phân quyết định của bản án sơ thẩm không buộc nguyên đơn liên đới trách nhiệm đóng Bảo hiểm xã hội từ ngày 01/9/2009 đến ngày 31/8/2014 là chưa đầy đủ, cần bổ sung thêm.

Xét đến hoàn cảnh của ông Dương Văn X, sinh năm 1962, vừa nghỉ hưu theo chế độ và thuộc gia đình chính sách. Trường THCS T đồng ý hỗ trợ cho nguyên đơn số tiền là 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng từ nguồn tiền cá nhân của lãnh đạo nhà trường. Xét việc hỗ trợ trên là tự nguyện, giải quyết có lợi cho nguyên đơn nên được ghi nhận. Việc giao nhận số tiền trên sẽ được tiến hành trực tiếp hoặc thông qua Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 32, điểm c Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 235, Khoản 2 Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 27, Khoản 3 Điều 76 của Bộ luật lao động năm 1994 (sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007);

Căn cứ vào Điều 50 của Bộ luật Lao động 2012;

Căn cứ vào Điều 51, Khoản 3 Điều 113, Điều 187, Khoản 3 Điều 190 của Bộ luật Lao động 2019;

Căn cứ vào điểm a Khoản 1 Điều 2 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006;

Căn cứ vào Điều 18, Điều 19, Khoản 2 và Khoản 5 Điều 21 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

Căn cứ vào Điều 157 của Bộ Luật dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Dương Văn X.

Sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm số 26/2023/LĐ-ST, ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn X:

1.1 Công nhận Hợp đồng làm việc số 104/HĐLV, ngày 03/9/2009 giữa Trường Trung học cơ sở T và ông Dương Văn X là hợp đồng không xác định thời hạn.

1.2 Tuyên bố các Hợp đồng làm việc số 81/HĐLV-THCSTT, ngày 10/8/2011; Hợp đồng làm việc số 158/HD -THCSTT, ngày 30/8/2012; Hợp đồng làm việc số 140-3/HĐLV-THCSTT, ngày 01/9/2014; Hợp đồng làm việc số 141-11/HĐLV-THCSTT, ngày 31/8/2015 giữa Trường Trung học cơ sở T và ông Dương Văn X là vô hiệu.

1.3 Buộc Trường Trung học cơ sở T cùng ông Dương Văn X phải đóng bảo hiểm xã hội vào quỹ Bảo hiểm xã hội quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Dương Văn X từ ngày 01/9/2009 đến ngày 31/8/2014.

Mức đóng và số tiền bảo hiểm xã hội mà Trường Trung học cơ sở T và cá nhân ông Dương Văn X phải đóng được áp dụng và tính theo quy định của pháp luật về Bảo hiểm xã hội.

2. Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn X như sau:

2.1 Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn X buộc Trường Trung học cơ sở T phải chi trả tiền phép năm từ năm 2009 đến năm 2019 với số tiền là 6.545.454 (sáu triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn, bốn trăm năm mươi bốn) đồng.

2.2 Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn X đối với các yêu cầu: Buộc Trường Trung học cơ sở T phải chi trả tiền lương còn thiếu, tiền thưởng, tiền tăng thu nhập cuối quý/năm từ năm 2009 đến tháng 5/2023; Tiền lễ, tiền Tết từ năm 2009 đến năm 2014; tiền thu nhập tăng thêm 0.6 theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND, ngày 16/3/2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Đình chỉ các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn X:

3.1 Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn X đối với các yêu cầu: Hủy Quyết định số 164/2016/QĐ-THCSTT, ngày 31 tháng 8 năm 2016 và khôi phục lại vị trí việc làm cho ông X tại đơn vị cũ; Buộc Trường Trung học cơ sở T phải bồi thường 02 tháng tiền lương theo Hợp đồng số 141-11/HĐLV-THCSTT, ngày 31/8/2015 là 7.000.000 (bảy triệu) đồng; Buộc Trường Trung học cơ sở T trả số tiền là 6.057.692 (sáu triệu, không trăm năm mươi bảy nghìn, sáu trăm chín mươi hai) đồng do vi phạm thời hạn báo trước 45 ngày.

3.2 Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn X đối với yêu cầu: Buộc Trường Trung học cơ sở T phải trả tiền lễ, tiền Tết từ năm 2015 đến tháng 5/2023.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của Trường Trung học cơ sở T hỗ trợ cho ông Dương Văn X số tiền là 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

Việc giao nhận tiền do hai bên tự giao nhận hoặc tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

5. Về án phí lao động sơ thẩm và phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Dương Văn X được miễn nộp án phí lao động sơ thẩm và phúc thẩm.

Bị đơn Trường Trung học cơ sở T phải chịu án lao động sơ thẩm là 900.000 (chín trăm nghìn) đồng; bao gồm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí đối với yêu cầu công nhận Hợp đồng làm việc giữa Trường Trung học cơ sở T và ông Dương Văn X là hợp đồng không xác định thời hạn; 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí đối với yêu cầu tuyên bố các Hợp đồng làm việc giữa Trường Trung học cơ sở T và ông Dương Văn X là vô hiệu; và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí đối với yêu cầu buộc Trường Trung học cơ sở T phải đóng bảo hiểm xã hội cho ông Dương Văn X.

Bị đơn Trường Trung học cơ sở T không phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Tòa án nhân dân Q.BT;
- Cục Thi hành án Dân sự Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án Dân sự Q.BT;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Vp, Hs. 20b

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Giang